TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23/2025/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 29 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu: ông Lê Đức T, sinh năm 1981.

Nơi thường trú: ấp Q, xã X, huyện T2, tỉnh Thanh Hóa, nay là thôn Q, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện tại: số 944B/45 Huỳnh Tấn Phát, phường T3, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là phường T4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: ấp Tân Quới Tây A, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là xã An Định, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/4/2011 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 21/7/2025, ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 02 con chung tên Lê Nguyễn Phúc T4, sinh ngày 27/3/2014 và Lê Hoàng Duy K, sinh ngày 25/3/2020. Sau khi ly hôn, các bên thỏa thuận bà Nguyễn Thị T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Lê Đức T

không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị T1 cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao cho bà Nguyễn Thị T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Nguyễn Phúc T4, sinh ngày 27/3/2014 và Lê Hoàng Duy K, sinh ngày 25/3/2020, ông Lê Đức T không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Lê Đức T được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị T1 cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị T1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000037 ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị T1 đã thực hiện xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- UBND xã An Định, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Mai Chiến Trực